TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 9 – 2026.
V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đăng, bà Hoàng Thị Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Y Sơ Mi Niê Kđăm - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Phàng Thị Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2026 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 8 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số 54/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị S, sinh năm 1979 – có mặt.

Số CCCD: 051179008xxx.

Nơi cư trú: Thôn T (nay là thôn A), xã P, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn M, sinh năm 1976 – vắng mặt không có lý do.

Số CCCD: 066076014xxx.

Nơi cư trú: Thôn T (nay là thôn A), xã P, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà nguyên đơn bà Lương Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà S và ông Phạm Văn M tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 27/01/1999 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Đắk Lắk). Từ khi kết hôn cho đến khoảng đầu năm 2021 vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc, tuy nhiên đến cuối năm 2021 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi cọ. Nay bà S nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để đảm bảo cuộc sống riêng tư cho mỗi người và ổn định sinh sống làm ăn, nên bà Lương Thị S làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn ông Phạm Văn M.

Về con chung: Bà S, ông M có hai con chung là Phạm Thị Minh T, sinh ngày 27/01/2002 và Phạm Thị Minh T, sinh ngày 04/8/2004. Hiện nay các con đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên bà Sen không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Phạm Văn M, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như hòa giải cho nguyên đơn và bị đơn được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi trước thời điểm xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự. Tại phiên tòa HĐXX thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Đối với những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lương Thị S, bà S được ly hôn ông Phạm Văn M.

Về con chung: Bà S, ông M có hai con chung là Phạm Thị Minh T, sinh ngày 27/01/2002 và Phạm Thị Minh T, sinh ngày 04/8/2004. Hiện nay các con đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) bà S không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Bà Lương Thị S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà Lương Thị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đắk Lắk theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Văn M vắng mặt lần thứ hai không có lý do; căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự nhận thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Lương Thị S và ông Phạm Văn M là quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/01/1999 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Đắk Lắk), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01/99. Theo bà S trình bày vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi cọ. Nay bà S nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn ông Phạm Văn M.

Kết quả xác minh tại địa phương được biết ông Phạm Văn M đang sinh sống và có hộ khẩu thường trú tại thôn T (nay là thôn A), xã P, tỉnh Đắk Lắk. Về mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không biết vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ thời gian nào vì khi mâu thuẫn vợ chồng không báo với ban tự quan thôn nên địa phương không biết và tiến hành hoà giải cho vợ chồng. Tại phiên toà bà Lương Thị S vẫn cương quyết xin ly hôn ông Phạm Văn M. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà S và ông M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho bà S được ly hôn ông M là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà S, ông M có hai con chung là Phạm Thị Minh T, sinh ngày 27/01/2002 và Phạm Thị Minh T, sinh ngày 04/8/2004. Hiện nay các con đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) bà S không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà S không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Bà Lương Thị S phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51; 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị S được ly hôn ông Phạm Văn M.

2. Về con chung: Bà S, ông M có hai con chung là Phạm Thị Minh T, sinh ngày 27/01/2002 và Phạm Thị Minh T, sinh ngày 04/8/2004. Hiện nay các con đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) bà S không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà S không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Lương Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002068 ngày 03/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND Khu vực 8-Đắk Lắk;*
- *THADS tỉnh Đắk Lắk;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Phòng THADS Khu vực 8-Đắk Lắk;
- UBND phường Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án

Đã ký

Lê Anh Thái